

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành
Dự án: Công viên Hội An

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 và số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1033/QĐ-UBND ngày 23/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng và kế hoạch lựa chọn nhà thầu công trình Công viên Hội An;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 554/TTr-STC ngày 10/11/2023 (kèm Báo cáo kết quả thẩm tra số 3675/BC-STC ngày 09/11/2023).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

- Dự án: Công viên Hội An.
- Địa điểm: tại phường Thanh Hà, thành phố Hội An.
- Chủ đầu tư: UBND thành phố Hội An.
- Thời gian khởi công: 04/10/2018; hoàn thành: 21/01/2022.

Điều 2. Kết quả đầu tư

- Chi phí đầu tư:

Stt	Nội dung	Tổng mức đầu tư được duyệt (đồng)	Chi phí đầu tư được quyết toán (đồng)
Tổng cộng		100.228.743.000	95.237.997.000
1	Chi phí xây dựng	69.662.447.000	78.147.046.000
2	Chi phí thiết bị	10.449.368.000	11.115.571.000
3	Chi phí quản lý dự án	1.504.822.000	1.334.200.000
4	Chi phí tư vấn đầu tư	3.682.912.000	3.789.981.000
5	Chi phí khác	3.516.351.000	851.199.000
6	Dự phòng	11.412.843.000	0

2. Vốn đầu tư:

a) Nguồn vốn đầu tư:

- Ngân sách tỉnh: 70.000.000.000 đồng, hỗ trợ cho thành phố Hội An theo Nghị quyết 36/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh.

- Ngân sách thành phố Hội An: 30.228.743.000 đồng.

b) Vốn đầu tư thực hiện: 87.978.000.000 đồng, gồm:

- Thanh toán hết kế hoạch năm 2021: 87.978.000.000 đồng, gồm:

+ Vốn ngân sách tỉnh hỗ trợ theo Nghị quyết 36/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh: 70.000.000.000 đồng.

+ Vốn ngân sách thành phố Hội An: 17.978.000.000 đồng (trong đó có 3.600.000.000 đồng từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách tỉnh cấp lại theo Nghị quyết 13/NQ-HĐND ngày 13/3/2021 của HĐND tỉnh).

- Kế hoạch từ năm 2022 đến nay: không bố trí.

3. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

Stt	Nội dung	Tài sản do UBND thành phố Hội An quản lý, sử dụng (đồng)
Tổng số		95.237.997.000
1	Tài sản dài hạn (cố định)	94.048.229.000
2	Tài sản ngắn hạn	1.189.768.000

(Chi tiết Danh mục tài sản theo Phụ lục I đính kèm)

4. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản:

a) Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: không.

b) Chi phí không tạo nên tài sản: không.

5. Giá trị vật tư, thiết bị tồn đọng: không.

Điều 3. Trách nhiệm của Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan

1. Chủ đầu tư được phép tất toán nguồn vốn, chi phí đầu tư dự án Công viên Hội An, với số tiền: 95.237.997.000 đồng và thanh toán các khoản công nợ theo giá trị quyết toán được phê duyệt. Các khoản công nợ (đến ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán):

- a) Tổng nợ phải thu: 0 đồng.
 b) Tổng nợ phải trả: 7.259.997.000 đồng.

(Chi tiết công nợ theo Phụ lục II đính kèm)

2. UBND thành phố Hội An thực hiện:

- a) Ghi tăng và ghi tăng bổ sung giá trị tài sản, với số tiền: 95.237.997.000 đồng; thực hiện kê khai biến động giá trị tài sản và quản lý, sử dụng tài sản theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.
 b) Phân bổ nguồn vốn ngân sách thành phố để trả nợ cho dự án số tiền còn thiếu là: 7.259.997.000 đồng.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Văn hoá, Thể thao và Du lịch; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Hội An và thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP và phòng chuyên viên;
- Lưu: VT, KTTH.

**KT. CHỦ TỊCH
 PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hồng Quang

Phụ lục I
DANH MỤC TÀI SẢN HÌNH THÀNH QUA ĐẦU TƯ
Dự án: Công viên Hội An

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 11 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

Stt	Tên tài sản	Đvt	Số lượng	Quy mô/Chủng loại	Giá trị (đồng)
I	Tài sản dài hạn				94.048.229.000
1	Trung tâm giao lưu	Nhà	1	Nhà 02 tầng và 01 tầng hầm, cấp II, diện tích xây dựng tầng 1 khoảng 1.925m ² , diện tích xây dựng tầng 2 khoảng 2.334m ² , diện tích xây dựng tầng hầm 276m ²	39.620.667.000
2	Nhà văn hóa thanh thiếu niên (cải tạo)	Nhà	1	Công trình cấp III, 02 tầng diện tích xây dựng 426m ²	2.513.879.000
3	Nhà vệ sinh công cộng	Nhà	3	Diện tích xây dựng khoảng 74m ²	2.688.784.000
4	Chòi nghỉ	Nhà	7	Diện tích xây dựng 21m ²	719.177.000
5	Trụ biểu	Trụ	9	Trụ cái (số 01): đường kính trụ 1,8m, cao 10,0m; 08 trụ còn lại đường kính trụ 1,5m, cao 9,0m	2.514.038.000
6	Hạ tầng kỹ thuật: Quảng trường công viên, hệ thống đường giao thông nội bộ, hệ thống cây xanh, hồ nước cảnh quang, hệ thống cấp thoát nước, cấp điện, viễn thông, chiếu sáng,...	Toàn bộ	1		35.545.096.000
7	Hệ thống thiết bị máy phát điện	Hệ thống	1	Gồm có: 01 Máy phát điện Cummins 250KVA kèm bộ chuyển đổi ATS; các phụ kiện: thiết bị chống sét lan truyền, bộ liên động cơ khí, bộ điều khiển tự bù, bộ khởi động sao tam giác,	1.046.730.000
8	Hệ thống điều hòa không khí VRF	Hệ thống	1	Gồm có: - Dàn nóng VRF 2 chiều Mitsubishi Heavy (45kw, 50,4kw, 68 kw, 73,5 kw, 135 kw): 8 bộ - Dàn lạnh âm trần cassette 4 hướng thổi Mitsubishi Heavy (9kw, 11,2kw, 14kw): 58 bộ - Mặt ban dàn lạnh cassette đa hướng: 58 cái	3.634.609.000

				<ul style="list-style-type: none"> - Bộ chia gas dàn lạnh: 50 bộ - Bộ chia gas dàn nóng: 7 bộ - Điều khiển từ xa: 58 bộ 	
9	Dàn nóng/lạnh máy gắn tường 4,7kW	Cái	1	Model: SRK18CS-S5/SRC18CS-S5/Mitsubishi Heavy	14.657.000
10	Dàn nóng/lạnh máy gắn tường 5,2kW	Cái	4	Model: SRK18CS-S5/SRC18CS-S5/Mitsubishi Heavy	58.627.000
11	Dàn nóng/lạnh máy cassette 4 hướng 7,1kW	Cái	5	Model: FDT71CR-S5/FDC71CR-S5/Mitsubishi Heavy	134.353.000
12	Dàn nóng/lạnh máy cassette 4 hướng 11,2kW	Cái	1	Model: FDT100CR-S5/FDC100CR-S5/Mitsubishi Heavy	37.863.000
13	Hệ thống âm thanh	Hệ thống	1	<p>Gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Micro không dây SHURE SLX24A/Beta87: 6 bộ - Thiết bị khuếch đại tín hiệu cho Micro: 2 cái - Micro cổ ngỗng Shure MX418D/C: 6 cái - BEHRINGER DIGITAL MIXER X32: 1 cái - Bộ xử lý tín hiệu DBX VENU 36: 2 cái - Cục đẩy Crown XLI 3500: 7 cái - Loa LINE ARRAY JBL VT4888: 6 cái - Loa hội trường JBL PRX 418S: 6 cái - Loa monitor JBL PRX 815w: 04 cái - Loa LINE ARRAY JBL VRX-932LA-1: 2 cái - Bộ chia nguồn, palang tời line array, dây loa, dây tín hiệu, vật tư phụ,... 	3.518.668.000
14	Hệ thống chiếu sáng	Hệ thống	1	<p>Gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đèn LED Profile Spotlight 200W GPS060K4: 4 cái - Đèn Par LED 18 x 12W (6 trong 1) SPC201: 32 cái - Đèn LED chiếu mặt 1pcs x 200W - White color COB LED, SPC100: 8 cái - Đèn chiếu khán giả 4x100W Warm White (High color COB-LED) SPC105": 4 cái - Đèn Moving Head Beam 350W 17R GA085B: 12 cái 	1.208.766.000

				<ul style="list-style-type: none"> - Máy phun sương 3000W SI049: 2 cái - Máy khói lạnh NIMBUS: 1 cái - Đèn Follow chiếu đặc tả cho ca sỹ - 320W LED GC014: 1 cái - Bộ khuếch đại 8 công DATA STREAM 8: 2 cái - Bàn điều khiển đèn Pearl 2010: 1 cái - Khung treo ánh sáng, dây tín hiệu, Jack kết nối tín hiệu, dây cáp điện, vật tư phụ,... 	
15	Trung tâm báo cháy 8 zone	Tủ	1	Mã hiệu YF3-8L, Đài Loan	23.206.000
16	Bơm động cơ Diesel (Q=89m ³ /h, H=86m)	Chiếc	1	Máy bơm chữa cháy động cơ Diesel Hyundai-Korea: P1=59kW; Mã hiệu D4BB, Đầu bơm Pentax P2=37 kW; Q=54-156 m ³ /h; H=89,5-54m; Mã hiệu CA65-250A; Hyundai-Korea	241.835.000
17	Bơm điện (Q=89m ³ /h, H=86m)	Chiếc	1	Máy bơm chữa cháy động cơ điện Pentax: P=37kW; Q=54-156 m ³ /h; H=89,5-54m; Mã hiệu CM65-250A; Pentax_LD	146.567.000
18	Bơm bù áp (Q=9m ³ /h, H=90m)	Chiếc	1	Máy bơm bù áp chữa cháy động cơ điện Pentax: P=3kW; Q=2,4-10,2 m ³ /h; H=96,1-43m; Mã hiệu U7V-400/8T; Pentax_LD	25.649.000
19	Máy vi tính chủ	Bộ	3	Máy tính để bàn: PC Acer AS XC-885 DT.BAQSV.014 (i7-8700/8GB/1TB HDD/GT 730/Endless); Màn hình ACER K222HQL 21.5INCH, hiệu Acer	100.765.000
20	Bàn phòng họp hội thảo 30 người	Cái	2	KT160x400x76cm; Chất liệu gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C	30.901.000
21	Máy chiếu + phong nền	Cái	2	Máy chiếu Panasonic PT-LB385, Màn chiếu có chân 2.13x2.13 Usb ET-WML100E (Wireless Option), hiệu Panasonic	69.497.000
22	Saloon ngồi đợi (sảnh đợi hội trường)	Bộ	12	Dạng đơn liền KT50x100x40cm và KT 50x300x40cm	131.910.000
23	Phòng màn trang trí hội nghị	Bộ	2	Việt Nam	21.985.000
II	Tài sản ngắn hạn				1.189.768.000
1	Bàn làm việc quản lý	Cái	1	KT 70x140x76cm; Gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C	4.630.000
2	Ghế quản lý	Cái	1	Ghế xoay Hòa Phát mã hiệu SG903	6.093.000
3	Bàn nhân viên	Cái	4	KT 60x120x76cm, Gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C	6.267.000

4	Ghế nhân viên	Cái	4	Ghế xoay Hòa Phát mã hiệu SG550	3.412.000
5	Tủ kính lùa	Cái	3	KT40x100x190cm; Chất liệu gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C	12.707.000
6	Máy vi tính con	Bộ	10	Máy tính để bàn Acer Veriton ES2735G, Celeron G4930(3.20 GHz,2MB),4GB RAM,1TB HDD, DVDRW, Intel UHD Graphics, USB Keyboard & Mouse, Endless OS,1Y WTY_DT.VSJSV.01M. Màn hình máy tính Acer LCD EB192Q Abd IPS 18.5, hiệu Acer	88.082.000
7	Bàn đặt máy vi tính	Cái	10	KT40x60x76cm; Chất liệu gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C	11.837.000
8	Tủ kính lùa	Cái	8	KT40x100x190cm; Chất liệu gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C	33.887.000
9	Ghế tựa chân sắt có nệm	Cái	20	Ghế xếp Hòa Phát, mã hiệu G03	7.891.000
10	Ghế ngồi họp phòng hội thảo nhỏ	Cái	60	Ghế chân quỳ Hòa Phát, mã hiệu VT1KM	64.756.000
11	Bàn saloon	Cái	12	KT120x60x45cm	18.939.000
12	Bục phát biểu	Cái	2	KT80x60x120; Chất liệu gỗ MDF chống ẩm 18 ly phủ melamine màu vân gỗ mã số 318C; Mẫu mã đóng theo mẫu LTS02 của Hòa Phát	5.977.000
13	Ghế hội trường 1 chỗ ngồi	Bộ	2	Ghế hội trường mã hiệu TC314, khung thép, đệm tựa mút bọc vải màu đỏ đô (màu K28 trong bảng mã màu Hòa Phát)	2.634.000
14	Ghế hội trường 3 chỗ ngồi	Bộ	32	Ghế hội trường mã hiệu TC314, khung thép, đệm tựa mút bọc vải màu đỏ đô (màu K28 trong bảng mã màu Hòa Phát)	126.448.000
15	Ghế hội trường 4 chỗ ngồi	Bộ	56	Ghế hội trường mã hiệu TC314, khung thép, đệm tựa mút bọc vải màu đỏ đô (màu K28 trong bảng mã màu Hòa Phát)	295.046.000
16	Ghế hội trường 5 chỗ ngồi	Bộ	72	Ghế hội trường mã hiệu TC314, khung thép, đệm tựa mút bọc vải màu đỏ đô (màu K28 trong bảng mã màu Hòa Phát)	474.180.000
17	Ghế ngồi họp phòng nội bộ	Cái	25	Ghế chân quỳ Hòa Phát mã hiệu VT1KM	26.982.000
	Tổng cộng				95.237.997.000

Phụ lục II
TÌNH HÌNH THANH TOÁN VÀ CÔNG NỢ

Dự án: Công viên Hội An

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / 11 /2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Nam)

ĐVT: đồng

Stt	Tên cá nhân, đơn vị thực hiện	Nội dung công việc, hợp đồng thực hiện	Chi phí đầu tư được quyết toán	Đã thanh toán	Công nợ đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán	
					Phải trả	Phải thu
	Tổng số		95.237.997.000	87.978.000.000	7.259.997.000	0
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Xây dựng Hội An	Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị	89.262.617.000	83.251.957.000	6.010.660.000	
2	Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Hội An	Quản lý dự án	1.334.200.000	1.020.000.000	314.200.000	
3	Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Kiểm định xây dựng Minh Châu	Khảo sát	158.997.000	70.540.000	88.457.000	
4	Liên danh Công ty TNHH Thiết kế Kiến trúc Xây dựng Phúc Tân Việt và Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế xây dựng Giao thông Công chính Đà Nẵng	Lập báo cáo nghiên cứu khả thi	433.483.000	350.000.000	83.483.000	
		Thiết kế	1.095.065.000	1.018.000.000	77.065.000	
5	Công ty Cổ phần Phú Khang	Thẩm tra thiết kế - dự toán	193.154.000	193.154.000		
6	Công ty TNHH Tư vấn và Đầu tư Nam Việt	Tư vấn lựa chọn nhà thầu thiết kế	8.173.000	0	8.173.000	
		Tư vấn lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng, thiết bị	150.288.000	120.000.000	30.288.000	
		Tư vấn lựa chọn nhà thầu tư vấn giám sát	11.229.000	0	11.229.000	
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng C.W.S	Giám sát thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị	1.599.000.000	1.483.927.000	115.073.000	
8	Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng DELTA	Kiểm định chất lượng công trình	140.592.000	112.000.000	28.592.000	
9	Công ty Cổ phần Tư vấn Tài chính và Thẩm định giá Quảng Nam	Thẩm định giá	22.000.000	22.000.000		

10	Trung tâm Xử lý bom mìn và Môi trường Quân khu 5	Rà phá bom mìn	112.752.000	90.000.000	22.752.000	
11	Công ty Bảo hiểm PVI Quảng Nam	Bảo hiểm công trình xây dựng	167.073.000	167.073.000		
12	Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam	Kiểm toán báo cáo quyết toán	360.002.000	0	360.002.000	
13	Công an PCCC&CHCN tỉnh	Thẩm duyệt thiết kế PC&CC	5.190.000	5.190.000		
14	Sở Xây dựng	Thẩm định dự án	12.523.000	12.523.000		
15	Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Hội An	Thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	61.636.000	61.636.000		
16	Sở Tài chính	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	110.023.000	0	110.023.000	